

Số 2605.01.02/2015/NVT-BCTC

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi:           Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng được lập ngày 25 tháng 02 năm 2016, từ trang 06 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Trụ Sở Chính:**

Số 187 đường Nguyễn Lương Bằng, P. Quang Trung, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội  
[T] (84-4) 3761 3399 [F] (84-4) 3761 5599 [W] www.ntva.vn [E] vpa@ntva.vn

**Chi nhánh tại Hà Nội:**

47 Vũ Trọng Phụng, P. Thanh Xuân Trung, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

**Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh:**

Tòa nhà Hoàng Anh Safomec- 7/1 Thành Thái, P. 14, Q. 10, TP. Hồ Chí Minh

**Chi nhánh tại TP. Hải Phòng:**

K3/125, Tô Hiệu, P. Trại Cau, Q. Lê Chân, TP. Hải Phòng

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 07 tháng 3 năm 2016

**Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt**

**Tổng Giám đốc**



**Lưu Thị Thúy Anh**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 0158-2014-124-1

**Kiểm toán viên**

**Đào Duy Hưng**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 2017-2014-124-1

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/15	01/01/15
			VND	VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>411.126.263.161</b>	<b>419.037.551.379</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>41.284.330.440</b>	<b>58.403.179.508</b>
111	1. Tiền		27.284.330.440	58.403.179.508
112	2. Các khoản tương đương tiền		14.000.000.000	-
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>108.013.929.713</b>	<b>82.040.535.555</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	86.325.370.283	75.843.026.488
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		591.857.712	5.826.275.550
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	5	26.387.827.444	6.212.389.931
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(5.291.125.726)	(5.841.156.414)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>7</b>	<b>259.000.219.377</b>	<b>278.125.866.566</b>
141	1. Hàng tồn kho		259.000.219.377	278.125.866.566
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>2.827.783.631</b>	<b>467.969.750</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		-	126.106.272
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		1.212.075	324.766.078
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	2.826.571.556	17.097.400
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>124.916.684.099</b>	<b>102.108.013.743</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>1.360.052.000</b>	<b>853.000.000</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác		1.360.052.000	853.000.000
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>111.781.211.270</b>	<b>91.258.285.168</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	58.612.182.713	69.204.187.879
222	- Nguyên giá		584.386.517.474	571.574.071.331
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(525.774.334.761)	(502.369.883.452)
224	4. Tài sản cố định thuê tài chính	10	49.553.305.535	18.438.374.267
225	- Nguyên giá		55.320.404.754	24.776.481.096
226	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(5.767.099.219)	(6.338.106.829)
227	7. Tài sản cố định vô hình	9	3.615.723.022	3.615.723.022
228	- Nguyên giá		3.703.723.022	3.703.723.022
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(88.000.000)	(88.000.000)
<b>240</b>	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>441.799.158</b>	<b>16.444.376</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		441.799.158	16.444.376
<b>250</b>	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>6.434.752.066</b>	<b>6.837.141.217</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		8.444.062.358	8.444.062.358
254	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)		(2.009.310.292)	(1.606.921.141)
<b>260</b>	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>4.898.869.605</b>	<b>3.143.142.982</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	4.898.869.605	3.143.142.982
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>536.042.947.260</b>	<b>521.145.565.122</b>



# BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/15	01/01/15
			VND	VND
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>203.647.777.850</b>	<b>199.668.096.507</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>165.752.139.700</b>	<b>188.314.592.488</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	36.783.000.102	30.683.746.624
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		5.001.424.668	5.615.531.441
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	5.164.622.939	5.627.926.068
314	4. Phải trả người lao động		36.004.558.189	32.751.644.416
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	787.728.917	14.450.396.327
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	17	24.909.093	25.363.636
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	16	2.322.258.809	2.348.909.605
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	12	72.974.016.136	90.739.358.273
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		6.689.620.847	6.071.716.098
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>37.895.638.150</b>	<b>11.353.504.019</b>
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	12	24.895.638.150	4.353.504.019
343	2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		13.000.000.000	7.000.000.000
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>332.395.169.410</b>	<b>321.477.468.615</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>18</b>	<b>332.395.169.410</b>	<b>321.477.468.615</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		200.474.150.000	182.249.940.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		200.474.150.000	182.249.940.000
412	3. Thặng dư vốn cổ phần		3.605	3.605
414	4. Vốn khác của chủ sở hữu		6.457.920.487	4.397.931.507
415	5. Cổ phiếu quỹ		(15.400.000)	(7.780.000)
418	6. Quỹ đầu tư phát triển		71.130.644.517	47.097.439.754
421	7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		54.347.850.801	87.739.933.749
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		10.091.168.948	19.217.830.869
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		44.256.681.853	68.522.102.880
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>536.042.947.260</b>	<b>521.145.565.122</b>

Lập, ngày 25 tháng 02 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU

Lê Thị Thúy Lan

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Đào Thị Hoa

TỔNG GIÁM ĐỐC



Mai Chiến Thắng

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	967.436.096.821	995.726.126.626
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21	7.173.489.374	2.443.147.034
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		960.262.607.447	993.282.979.592
11	4. Giá vốn hàng bán	22	773.945.698.943	801.694.668.401
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		186.316.908.504	191.588.311.191
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	1.946.210.019	1.012.535.761
22	7. Chi phí tài chính	24	9.949.778.463	14.586.139.252
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		4.993.560.639	8.417.667.146
25	9. Chi phí bán hàng	27	20.156.028.225	34.609.776.857
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	62.218.435.831	55.928.478.423
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		95.938.876.004	87.476.452.420
31	12. Thu nhập khác	25	618.718.915	851.767.009
32	13. Chi phí khác	26	990.456.161	173.649.834
40	14. Lợi nhuận khác		(371.737.246)	678.117.175
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		95.567.138.758	88.154.569.595
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29	21.124.164.903	19.495.879.970
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		74.442.973.855	68.658.689.625
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	30	3.713	3.425
71	20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)		-	-

Lập, ngày 25 tháng 02 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Thanh Tùng

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Đào Thị Hoa

TỔNG GIÁM ĐỐC



Mai Chiến Thắng